TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **298**/2026/QĐST-DS	*Đồng Tháp, ngày 30 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Trần Thị Hồng Phượng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Phúc**

Ông **Mai Huy Mân**

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235, 246, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 119/2026/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

XÉT THẤY:

Trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Phước S,** sinh năm 1972.

Bà **Lương Thị Thanh T**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Bà **Đỗ Thị Thu V**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số B, Khu phố A, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Lê Phong D**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: A18.6.238 V, khu phố C, phường C, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số A, L, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Đến ngày 30/9/2026, ông Nguyễn Phước S và bà Lương Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị Thu V số tiền 990.000.000đ (Chín trăm, chín mươi triệu đồng).

Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Phước S, bà Lương Thị Thanh T và bà Đỗ Thị Thu V ngày 06/9/2022, số công chứng 2956, quyển số 02/2022TP/CC-SCC/HĐGD, đối với phần đất thửa số 47, tờ bản

đồ số 13, diện tích 332,6m^2, đất trồng cây lâu năm, tọa lạc Khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

Đến ngày 01/9/2026, bà Đỗ Thị Thu V có nghĩa vụ trả cho ông Lê Phong D số tiền 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Đỗ Thị Thu V và ông Lê Phong D ngày 10/01/2026, số công chứng 83/2026/CCGD, đối với phần đất thửa số 47, tờ bản đồ số 13, diện tích 332,6m^2, đất trồng cây lâu năm, tọa lạc Khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

Kể từ ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi, tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp ông Nguyễn Phước S và bà Lương Thị Thanh T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền cho bà Đỗ Thị Thu V thì ông Nguyễn Phước S và bà Lương Thị Thanh T đồng ý phát mại tài sản là phần đất thuộc thửa số 47, tờ bản đồ số 13, diện tích 332,6m^2, đất trồng cây lâu năm, tọa lạc Khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Tháp để bán đấu giá thi hành án cho bà Đỗ Thị Thu V.

Sau khi trả đủ tiền, ông Nguyễn Phước S được liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất thuộc thửa số 47, tờ bản đồ số 13, diện tích 332,6m^2, đất trồng cây lâu năm, tọa lạc Khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Án phí:

Ông Nguyễn Phước S, bà Lương Thị Thanh T phải chịu 20.850.000 đồng (Hai mươi triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001425 và 0001426 ngày 12/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên còn phải nộp tiếp số tiền 20.250.000đ (Hai mươi triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị Thu V phải chịu 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại cho ông Lê Phong D số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004604 ngày 01/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại

Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV4-ĐT;
- THADS ĐT
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Phượng